

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng và bà Đoàn Thị Oanh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Xuân L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11/10/1992, tại: tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: thôn T, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Trần Minh M (đã chết) và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1964; Vợ: Bùi Thị Y – sinh năm 1996 và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Đặng Thị Thúy K; Sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ H, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Mai H; Sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn X, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến ngày 04/01/2024, tại thành phố Y, tỉnh Yên Bái, Trần Xuân L đã cho Đặng Thị Thúy K và Nguyễn Thị Mai H vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

1. Đặng Thị Thúy K: Trần Xuân L cho Đặng Thị Thúy K vay 02 khoản với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất 3.333 đồng/1.000.000 đồng /1 ngày.

* Lần thứ nhất: L cho chị K vay 20.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 11/7/2022 đến ngày 05/12/2022 = 148 ngày, chị K đã trả tiền lãi cho L là 10.000.000 đồng.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi tối đa được phép thu đối với khoản vay này từ ngày 11/7/2022 đến ngày 05/12/2022 (148 ngày) là: $20\%/365 \text{ ngày} \times 148 \text{ ngày} \times 20.000.000 \text{ đồng} = 1.621.918 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính thực tế và xác định trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này là $10.000.000\text{đ} - 1.621.918\text{đ} = 8.378.082 \text{ đồng}$.

Số tiền gốc này, đến nay chị K chưa trả được cho L.

* Lần thứ hai: Ngày 05/12/2022, chị K tiếp tục hỏi L vay thêm 20.000.000 đồng, L đồng ý cho chị K vay. Do khoản vay trước chị K chưa trả được tiền gốc cho L, nên L gộp cả hai khoản thành một với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, tiền lãi $4.000.000\text{đ}/40.000.000\text{đ}/1 \text{ tháng}$ và không yêu cầu chị K phải viết giấy vay tiền.

Tiền lãi thực tế từ ngày 06/12/2022 đến ngày 04/01/2024 (395 ngày), chị K đã trả cho L là 48.000.000 đồng, tiền lãi của tháng 01/2024 (từ ngày 06/12/2023 đến ngày 04/01/2024 = 30 ngày) là 4.000.000 đồng, do chưa đến ngày trả tiền lãi và L bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y phát hiện nên chưa thu được số tiền lãi này. Như vậy số tiền lãi từ ngày 06/12/2022 đến ngày 04/01/2024, chị K phải thanh toán cho L là 52.000.000 đồng.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự tiền lãi tối đa được phép thu đối với khoản vay này từ ngày 06/12/2022 đến ngày 04/01/2024 (395 ngày) là: $20\%/365 \times 395 \times 40.000.000 \text{ đồng} = 8.657.543 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này là $52.000.000\text{đ} - 8.657.543\text{đ} = 43.342.457 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là $48.000.000\text{đ} - 8.657.543 = 39.342.457 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi của hai khoản vay chị K đã trả cho L thực tế là 58.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế của hai khoản vay là $58.000.000 - (1.621.918 + 8.657.543) = 47.720.539 \text{ đồng}$ (làm tròn là 47.720.000 đồng).

Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận của hai khoản vay là 62.000.000 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính theo thỏa thuận của hai khoản vay phải chịu

trách nhiệm hình sự là $62.000.000 - (1.621.918 + 8.657.543) = 51.720.539$ đồng (làm tròn là 51.720.000 đồng).

Số tiền gốc 40.000.000 đồng, đến nay chị K chưa trả được cho L.

2. Nguyễn Thị Mai H: Trần Xuân L cho Nguyễn Thị Mai H vay 02 lần tiền, với tổng số tiền là 35.000.000 đồng, lãi suất 3.333đ/1.000.000đ/1 ngày

* Lần thứ nhất: L cho chị H vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 01/3/2023 đến ngày 19/6/2023 = 111 ngày, với mức lãi suất là 1.500.000đ/15.000.000đ/1 tháng.

Tiền lãi thực tế L đã thu của chị H đối với khoản vay này từ ngày 01/3/2023 đến ngày 19/6/2023 (111 ngày) là 5.500.000 đồng.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu đối với khoản vay này từ ngày 01/3/2023 đến ngày 19/6/2023 là: $20\%/365 \times 111 \times 15.000.000 = 912.328$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế và xác định trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này là $5.500.000 - 912.328 = 4.587.672$ đồng.

* Lần thứ hai: Ngày 19/6/2023, chị H tiếp tục vay L số tiền 20.000.000 đồng. Do chị H chưa trả tiền gốc của khoản vay thứ nhất, nên L gộp hai khoản vay thành một khoản vay với tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng, lãi suất 3.500.000đ/35.000.000đ/1 tháng và không yêu cầu chị H viết giấy vay tiền.

Tiền lãi thực tế L đã thu của chị H đối với khoản vay này từ ngày 20/6/2023 đến ngày 03/10/2023 (106 ngày) là 12.200.000 đồng. Trong đó ngày 03/10/2023, chị H đã trả được tiền lãi là 11.200.000 đồng và số tiền gốc 35.000.000 đồng; số tiền lãi còn lại 1.000.000 đồng, chị H đã trả cho L vào ngày 11/10/2023.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu đối với khoản vay này từ ngày 20/6/2023 đến ngày 03/10/2023 (106 ngày) là: $20\%/365 \times 106 \times 35.000.000 = 2.032.867$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế và xác định trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này là $12.200.000 - 2.032.867 = 10.167.133$ đồng.

Tổng số tiền lãi của hai khoản vay chị H đã trả cho L thực tế là 17.700.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế và xác định trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này là $17.700.000 - (912.328 + 2.032.867) = 14.754.805$ đồng.

Như vậy tổng số tiền L cho K và H vay là 75.000.000 đồng. T1 lợi bất chính thực tế là: $47.720.539 \text{ đ} + 14.754.805 \text{ đ} = 62.475.344$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính theo thỏa thuận phải chịu trách nhiệm hình sự là: $51.720.539 \text{ đ} + 14.754.805 \text{ đ} = 66.475.344$ đồng.

* Đồ vật, tài liệu thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 promax, màu đen, số sê-ri: G6TZQ6EEN70C, số IMEI: 353906107016561, số

IMEI 2: 353906106886162; gắn sim số điện thoại 0966.833.092; điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-TP ngày 11-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo Trần Xuân L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân L phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Trần Xuân L từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về vật chứng, tài sản thu giữ và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Y, cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7-2022 đến ngày 04-1-2024, Trần Xuân L đã có hành vi cho chị Đặng Thị Thúy K và chị Nguyễn Thị Mai H vay tiền nhiều lần với mức lãi suất tương ứng 121,6%/01 năm gấp 6,08 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 66.475.344 đồng. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố đối với bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân nhưng vì muốn kiếm tiền bất chính, bị cáo vẫn cố ý thực hiện phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có không có tiền án, tiền sự; có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo thực hiện tội phạm vì mục đích lợi nhuận nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng, đồ vật tài sản thu giữ và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max, màu đen, số sê-ri: G6TZQ6EEN70C, số IMEI: 353906107016561, số IMEI 2: 353906106886162; gắn sim số điện thoại 0966.833.092, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Số tiền gốc mà chị Nguyễn Thị Mai H đã trả cho bị cáo là 35.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của chị Nguyễn Thị Mai H và chị Đặng Thị Thúy K là 2.945.195 đồng + 10.279.461 đồng = 13.224.656 đồng (làm tròn là 13.224.000 đồng) cần tịch thu của bị cáo nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà chị Đặng Thị Thúy K chưa trả cho bị cáo là 40.000.000 đồng cần tịch thu từ chị K để nộp Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo thu được của chị Đặng Thị Thúy K là 47.720.593 (làm tròn là 47.720.000) đồng và chị Nguyễn Thị Mai H là 14.754.805 (làm tròn là 14.754.000) đồng, cần buộc bị cáo trả lại cho chị K, chị H.

[9] Đối với Nguyễn Thị Mai H, ngày 10/07/2022, H đã giới thiệu cho Đặng Thị Thúy K vay của Trần Xuân L số tiền 20.000.000 đồng, tuy nhiên L và Kiều tự liên hệ và thỏa thuận mức lãi suất tương đương 121,6%/ 1 năm, H không biết và không liên quan đến hành vi cho vay lãi suất cao của L. Đối với khoản vay thứ hai với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, K và L cũng tự thỏa thuận với nhau, không thông qua H giới thiệu, H cũng không biết về thỏa thuận tiền lãi và việc trả lãi. Hai khoản vay của K, H cũng không được hưởng lợi ích gì. Do vậy không có căn cứ để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Xuân L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân L số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng, đồ vật, tài sản thu giữ và biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 promax, màu đen, số sê-ri: G6TZQ6EEN70C, số IMEI: 353906107016561, số IMEI 2: 353906106886162; gắn sim số điện thoại 0966.833.092, điện thoại cũ đã qua sử dụng của bị cáo L.

(Chi tiết đặc điểm vật chứng, đồ vật, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11-3-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái).

- Tịch thu của bị cáo số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng và số tiền 13.224.000 (mười ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn) đồng, để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu của chị Đặng Thị Thúy K số tiền 40.000.000 đồng, để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả cho chị Đặng Thúy K số tiền 47.720.000 (bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Mai H số tiền 14.754.000 (mười bốn triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo bản án hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Công an TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người có QL, nghĩa vụ liên quan (2);
- THA hình sự; Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Quang Trung